

Số: /2020/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến các hoạt động xây dựng, vận hành, cập nhật, lưu trữ, cung cấp, sử dụng mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

Trong thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. GML (Geography Markup Language) là ngôn ngữ đánh dấu địa lý mở rộng dùng trong khuôn thức trao đổi dữ liệu nền địa lý quốc gia.

2. GDB (Geodatabase) là một định dạng lưu trữ dữ liệu của cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.

3. SHP (Shape file) là một định dạng lưu trữ dữ liệu của cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.

4. Mô hình số độ cao (DEM) sử dụng trong văn bản này bao gồm cả trường hợp xây dựng mô hình số địa hình (DTM).

Điều 4. Các yêu cầu kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000

Các yêu cầu kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000 bao gồm yêu cầu về mô hình cấu trúc, nội dung; yêu cầu thu nhận dữ liệu chi tiết cho mô hình cấu trúc và nội dung đã thiết kế; yêu cầu về chất lượng dữ liệu được thu nhận trong mô hình cấu trúc; yêu cầu trình bày dữ liệu dưới dạng đồ họa; cụ thể tuân theo các quy định sau đây:

1. Hệ quy chiếu tọa độ, hệ quy chiếu thời gian thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở mã số QCVN 42:2020/BTNMT) ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20 tháng 6 năm 2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) về hướng dẫn áp dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000.

2. Quy định về mô hình cấu trúc và nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000 thực hiện theo Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Quy định về mô hình cấu trúc và nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000 thực hiện theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Quy định về thu nhận dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000, thực hiện theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quy định về chất lượng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000, thực hiện theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Quy định về trình bày cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000 thực hiện theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Quy định về trình bày cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000, thực hiện theo Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Siêu dữ liệu của cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000

Siêu dữ liệu của cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000 thực hiện theo quy định về siêu dữ liệu tại Phụ lục 8 của QCVN 42:2020/BTNMT.

Điều 6. Định dạng dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000 phải được xây dựng, vận hành, cập nhật, lưu trữ, cung cấp ở định dạng GML và các định dạng bổ sung GDB, SHP.

2. Phạm vi đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000 theo phạm vi ranh giới khu vực được thành lập cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.

3. Quy định về định dạng GML

a) Tên định dạng: GML v3.3

b) Ngôn ngữ: vi (Việt Nam).

c) Bảng mã ký tự: 004 - UTF8.

4. Quy định về định dạng GDB

a) Tên định dạng: GDB - ESRI™.

b) Ngôn ngữ: vi (Việt Nam).

c) Bảng mã ký tự: 004 - UTF8.

4. Quy định về định dạng SHP

a) Tên định dạng: Shape - ESRI™.

b) Ngôn ngữ: vi (Việt Nam).

c) Bảng mã ký tự: 004 - UTF8.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 20 . Thông tư này thay thế Thông tư số 21/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:10.000.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, quyết định./.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Công TTĐT Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, PC, KHCN, ĐDBĐVN.

Nguyễn Thị Phương Hoa